

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2021/DS-ST

Ngày: 27-4-2021

V/v “*Tranh chấp yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Thanh

Bà Trần Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 521/2020/DSST ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXX-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị Ngọc T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh B

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương Thị Tr, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đất Đ, tỉnh Bà R (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954;

Địa chỉ: S đường Th, phường 15, quận G, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hoàng Thị Yên Ng, sinh năm 1983

Địa chỉ: S đường Th, phường 15, quận G, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Quách Thị K, sinh năm 1950

Địa chỉ: Số A Nguyễn Oanh, phường 17, quận G, Thành phố H (Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đất Đ, tỉnh Bà R

Đại diện theo ủy quyền của bà Quang: Bà Dương Thị Tr, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đất Đ, tỉnh Bà R (Có đơn xin vắng mặt).

3/ Ông Hoàng Văn T sinh năm 1954

Địa chỉ: S đường Th, phường 15, quận G, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2020, bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án bà Dương Thị Tr là đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị Ngọc T trình bày:

- Cha của bà Thúy là ông Lý Văn H sinh năm 1944 (chết 2007) được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 5165m² theo giấy chứng nhận 01082/QSĐĐ/437 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/01/1996 tại xã Long Tân huyện L (nay là huyện Đ) tỉnh B.

- Kể từ khi ông Lý Văn H chết, gia đình chúng tôi không biết được giấy chứng nhận trên do thất lạc hay ông H trước đó có thể chấp hay cầm cố cho ai chúng tôi không biết.

- Khi bà T đi làm giấy chứng nhận mới thì được biết bà Quách Thị K sinh năm 1950 có thể chấp giấy chứng nhận số 01082/QSĐĐ/437 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/01/1996 cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 295.000.000đ (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng) và có lập giấy mượn tiền ngày 16/11/2011 do bà K viết.

- Việc giữa bà K có ghi trong giấy mượn tiền ngày 16/11/2011 với dòng chữ: “Đã ủy quyền cho tôi 10 năm” nếu bà K sau này có nộp giấy tờ chứng minh cho ông Lý Văn H có ủy quyền cho bà Quách Thị K hay không thì bà K phải nộp cho Tòa án sau đó tôi sẽ có ý kiến sau.

- Về nhân thân thì bà T khai: Ông Lý Văn H sinh năm 1944 (chết 2007) là cha ruột.

- Cha ruột ông Lý Văn H là ông Lý Văn T (không rõ năm sinh) chết 1972.

- Mẹ ruột ông H (không rõ năm sinh) là bà Lê Thị Đ chết năm 1980.

- Vợ thứ hai là bà Phạm Thị Th sinh năm 1945, chết năm 1999 có 1 con chung là bà Lý Thị Ngọc T sinh năm 1965.

- Cha bà Phạm Thị Th (chết năm 1999) có cha mẹ ruột là bà Nguyễn Thị M (không rõ năm sinh) chết năm 1968.

- Cha ruột bà Th là ông Phạm Văn Nh không rõ năm sinh và năm mất theo giấy xác nhận ngày 24 tháng 06 năm 2020 của bà Thúy.

- Vì vậy bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Bản chính giấy chứng nhận số 01082/QSĐĐ/437 do Ủy ban nhân dân huyện Long Đ cấp cho ông Lý Văn H được quyền sử dụng đất 5162 m² tại ba thửa 527-535-535. Tờ bản đồ số 8 thuộc xã L, huyện L (nay là huyện Đ) tỉnh B

Bị đơn bà Nguyễn Thị T có bà Hoàng Thị Yến Ng là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T trình bày tại bản tự khai ngày 11 tháng 12 năm 2020, như sau:

Ngày 16 tháng 11 năm 2011, bà Quách Thị K có làm giấy mượn tiền của bà Nguyễn Thị T số tiền là 295.000.000VNĐ (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng) trong thời hạn 30 ngày. Đồng thời, bà K có thể chấp cho bà Tâm 01 quyền Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số 01082/QSDD9/437 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện Đ) cấp cho ông Lý Văn H ngày 22/01/1996.

Nay bà Lý Thị Ngọc T và bà Nguyễn Thị Q (là con ruột của ông Lý Văn H) yêu cầu bà T trả lại 01 Giấy chứng nhận số 01082/QSDD/437 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện Đ cấp cho ông Lý Văn H ngày 22/01/1996 thì bà Tâm đồng ý trả lại giấy trên. Tuy nhiên, bà Tâm sẽ làm đơn yêu cầu bà Khánh trả lại bà Tâm số tiền mà bà Khánh đã mượn của bà Tâm là 295.000.000VNĐ (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn) để giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra bà Tâm không có ý kiến gì hết.

- Bà Nguyễn Thị Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đại diện theo ủy quyền là bà Dương Thị Tr trình bày tại bản tự khai ngày 17/12/2020:

- Bà Q đồng ý với toàn bộ bản tự khai bà Lý Thị Ngọc T do bà Dương Thị Tr là đại diện ủy quyền khai vào ngày 17/12/2020 là yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả cho chúng tôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01082/QSDD/437 ngày 22/01/1996 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Lý Văn H.

- Cha bà là ông Lý Văn H, sinh năm 1944 chết 2007, mẹ tôi là bà Lý Thị Chiêm sinh năm 1945 chết trước 1975.

- Cha mẹ bà sinh có 1 mình bà là Nguyễn Thị Q.
- Ông ngoại bà là Lý Văn Tam chết đã lâu không rõ năm sinh và năm mất.
- Bà ngoại là bà Nguyễn Thị Ba chết đã lâu không rõ năm sinh và năm mất.
- Bà nội bà Lê Thị Đê không rõ năm sinh chết 1980.
- Ông nội Lý Văn Tùng không rõ năm sinh chết 1972.
- Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác thêm.

- Ngày 16/12/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu độc lập đối với bà Quách Thị K.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 16/12/2020 và bản tự khai ngày 11/01/2021 bà Hoàng Thị Yến Ng là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T khai như sau:

Ngày 16 tháng 11 năm 2011, bà Quách Thị K có làm giấy mượn tiền của bà Nguyễn Thị T để mượn số tiền là 295.000.000VNĐ (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng) trong thời hạn 30 ngày và bà Khánh có đưa cho bà Tâm 01 quyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01082/QSDD/437 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện Đ cấp cho ông Lý Văn H ngày 22/01/1996 để làm tin. Nhưng đến nay bà Khánh không trả số tiền trên cho bà Tâm. Nay bà yêu cầu:

Buộc bà Khánh trả cho bà Tâm số tiền 533.950.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 295.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 16/12/2011 đến ngày 17/12/2021 theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/ Năm là 295.000.000 đồng x 108 tháng x 9%= 238.950.000 đồng. Phương thức thanh toán là trả 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 18/12/2021 cho đến khi bà Khánh thanh toán hết số tiền trên theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ngày 12/3/2021, bà Nguyễn Thị T là bị đơn đã có đơn xin rút một phần đơn yêu cầu độc lập và chỉ yêu cầu bà Quách Thị K trả cho bà số tiền 295.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và lãi suất chậm thi hành án sẽ được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Tại bản tự khai ngày 25/12/2020 bà Dương Thị Tr là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà Quang là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai:

- Việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Quách Thị K trả lại số tiền 533.950.000 thì bà không biết vì đây là việc vay mượn giữa bà Tâm và bà Khánh không liên quan đến bà và bà chỉ có yêu cầu bà Tâm trả cho bà giấy CNQSDĐ số 01082/QSDĐ/437 ngày 22/01/1996 do ủy ban nhân dân (huyện Long Đất) nay là huyện Đất Đỏ cấp cho ông Lý Văn H.

- Ông Hoàng Văn Tuyết (chồng bà Tâm) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại bản tự khai ngày 28/12/2020:

Việc bà Nguyễn Thị T (vợ ông) cho bà Quách Thị K vay và việc bà Thúy yêu cầu bà Tâm trả lại giấy chứng nhận QSDĐ thì đây là tài sản riêng của bà Tâm ông không liên quan và ông có đơn xin vắng mặt khi Tòa án hòa giải và xét xử vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập bà Quách Thị K đến Tòa án để lấy lời khai nhưng bà Khánh không đến Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Khánh tại địa chỉ: Số 259(số cũ là 2/7) Nguyễn Oanh, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, được biết: Bà Quách Thị K, sinh năm 1950 có đăng ký hộ khẩu tại số 259(số cũ 2/7 Nguyễn Oanh) , Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay đã bán nhà đi đâu không rõ từ năm 2010. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Khánh theo địa chỉ tại số 395/72 Nguyễn Văn Dung , Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, được biết: “ Qua rà soát không có địa chỉ số 395/72 Nguyễn Văn Dung , Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cung cấp chứng cứ nơi cư ngụ mới của bà Khánh, tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn cho biết đã đi tìm bà Khánh nhưng bà Khánh không cho biết nơi ở mới và hiện tại không biết bà Khánh ở đâu vì vậy Nguyên đơn và Bị đơn yêu cầu Tòa án niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của bà Khánh tại địa chỉ số 259 (cũ là 2/7) Nguyễn Oanh, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, để xét xử vắng mặt bà Khánh.

Tòa án đã tiến hành đối chất nhưng bà Khánh không đến. Vì vậy, Tòa án không tiến hành đối chất được mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Khánh hợp lệ theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Khánh không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Khánh hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quang có bà Trang là đại diện có đơn xin vắng mặt tuy nhiên nguyên đơn và bà Quang vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại cho bà Thúy và bà Quang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01082/QSDĐ/437 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện Đ cấp cho ông Lý Văn H ngày 22/01/1996.

- Bị đơn có đơn xin vắng mặt tuy nhiên bị đơn vẫn giữ yêu cầu độc lập buộc bà Quách Thị K phải trả cho bà số tiền 295.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Hoàng Văn T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu gì.

- Bà Quách Thị K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Tâm có nghĩa vụ trả lại cho bà Lý Thị Ngọc T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01082/QSĐĐ/437 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện Đ cấp cho ông Lý Văn H ngày 22/01/1996

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn, bà Khánh trả cho bà Tâm số tiền gốc là 295.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu về việc buộc bà Khánh trả số tiền lãi là 238.950.000 đồng

- Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị T về yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “ Yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại s đường Th, phường 15, quận G, Thành phố H. Đây là vụ án “ Tranh chấp yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận G, Thành phố H được quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và tiến hành đối chất giữa các bên, đồng thời mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Phiên tòa hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

3. Về thời hiệu khởi kiện:

Đối với yêu cầu độc lập về việc đòi lại tài sản của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện tuy nhiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kvắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi thì không áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp về đòi lại tài sản do người khác chiếm hữu, quản lý. Do đó, việc bị đơn có yêu cầu độc lập về đòi lại tài sản không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

4. Về người thừa kế tham gia tố tụng: Căn cứ vào giấy khai tử số 40 ngày 31/12/2007 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ thì ông Lý Văn H chết ngày 27/12/2007. Căn cứ vào giấy khai sinh của nguyên đơn và Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 656/QĐCCTL-CC ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp và trả lời cung cấp chứng cứ bằng Công văn số 02/UBND-VP ngày 04/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ cho thấy bà Lý Thị Ngọc T và bà Nguyễn Thị Q là con ruột của ông Lý Văn H đương nhiên là người thừa kế tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

5. Về nội dung tranh chấp:

5.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01082/QSĐĐ/437 ngày 22/01/1996 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Lý Văn H chứng tỏ ông Lý Văn H đã được cơ quan có thẩm quyền được công nhận quyền sử dụng 5165m² đất, tại thửa đất số 527, 535 và 535 tờ bản đồ số 8 xã L, huyện L nay là huyện Đ tỉnh B, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quyền về tài sản hợp pháp được Nhà nước công nhận được quy định tại Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 thì chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, sử dụng về tài sản không có căn cứ pháp luật. Việc bà Tâm giữ giấy chứng nhận trên không đúng quy định của pháp luật do đó yêu cầu của bà Thúy buộc bà Tâm trả lại cho bà Thúy giấy chứng nhận là yêu cầu chính đáng được pháp luật công nhận và phù hợp với quy định tại Điều 4 của Bộ luật tố tụng năm 2015.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01082/QSĐĐ/437 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Lý Văn H ngày 22/01/1996, Hội đồng xét xử xét thấy tại bản tự khai ngày 11/12/2020 và biên bản ghi nhận ngày 12/3/2021 thì bị đơn cũng đã đồng ý trả lại cho nguyên đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên hiện bị đơn đang giữ. Căn cứ vào

Điều 5 Bộ Luật tố tụng năm 2015, thì đương sự có quyền thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị T và bà Lý Thị Ngọc T buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Lý Thị Ngọc T (là con ruột ông Lý Văn H đã chết năm 2007) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01082/QSDD/437 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Lý Văn H ngày 22/01/1996.

5.2. Xét yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T đối với bà Quách Thị K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Căn cứ giấy mượn tiền ngày 16/11/2011, thì bà Quách Thị K có làm giấy mượn của bà Nguyễn Thị T số tiền là 295.000.000 đồng trong thời hạn là 30 ngày sẽ trả đủ cho bà T và bà K có thể chấp cho bà Tâm 01 giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Lý Văn H, chứng tỏ việc bà K có mượn tiền của bà Tâm là có thật.

Sau khi nhận số tiền trên, bà K không trả lại số tiền trên theo cam kết cho bà Tâm. Bà Tâm đã nhiều lần liên hệ với bà K nhưng bà K chuyển chỗ ở nên đã không liên hệ đòi số tiền trên gây thiệt hại cho bà Tâm. Căn cứ vào Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 thì chủ sở hữu có quyền yêu cầu người chiếm hữu phải trả lại tài sản đó vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu độc lập của bà Tâm là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T buộc bà Quách Thị K phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 295.000.000 đồng.

- Xét việc bà T yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bà Khánh đã mượn của bà Tâm đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho bà T. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn buộc bà K phải trả cho bà Tâm số tiền 295.000.000(Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng), một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xét việc ngày 12/3/2021 bị đơn có làm đơn rút một phần yêu cầu độc lập : Không tính lãi suất tạm tính từ ngày 16/12/2011 đến ngày 17/12/2021 theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/ Năm là 295.000.000 đồng x 108 tháng x 9% = 238.950.000 đồng. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bị đơn.

- Đối với ông Hoàng Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án xác nhận tài sản trên là của bà Tâm(vợ ông) không liên quan gì đến ông và ông không có yêu cầu gì do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với bà Nguyễn Thị Q (con ruột ông Lý Văn H) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và bà cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngoài ra không có yêu cầu gì khác, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với bà Quách Thị K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt và Tòa án không lấy được lời khai của bà Khánh nên không biết được bà có yêu cầu gì. Do đó nếu sau này bà Quách Thị K có đủ chứng cứ pháp lý yêu cầu tranh chấp với nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác trong vụ án này thì bà Khánh sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện và yêu cầu này của nguyên đơn được chấp nhận do đó Bị đơn phải chịu án phí dân sự tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng . Do đó bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)

Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho bà Lý Thị Ngọc T số tiền 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0027531 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

- Đối với yêu cầu độc lập của bị đơn được chấp nhận do đó bà Quách Thị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.750.000 đồng

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4; Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 74; Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 105; Điều 166 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Lý Thị Ngọc T (là con ruột ông Lý Văn H đã chết năm 2007) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01082/QSĐĐ/437 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Lý Văn H ngày 22/01/1996.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn:

- Buộc bà Quách Thị K phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 295.000.000 (Hai trăm chín mươi lăm triệu) đồng, một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà K không trả số tiền trên thì hàng tháng bà K phải chịu thêm phần tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Đình chỉ yêu cầu về việc buộc bà Quách Thị K trả trả số tiền lãi là 238.950.000 đồng.

Việc giao nhận được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng.)

- Bà Quách Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.750.000 (Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho bà Lý Thị Ngọc T số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0027531 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký đóng dấu)